

Số: **03** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **24** tháng **01** năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư bất động sản Doji Land

Thực hiện Quyết định số 12/QĐ-TTr ngày 02/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ngày 12/01/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư bất động sản Doji Land; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 18/01/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư bất động sản Doji Land (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106693273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/12/2023.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: tầng 9, tòa nhà Doji Tower, số 5 Lê Duẩn, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Tài khoản số 66555588001 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

- Doanh nghiệp chưa có tổ chức công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp tại thời điểm thanh tra: 131 người, trong đó có 55 lao động nữ.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Chưa báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng và cả năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2023 với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Phương thức tuyển: doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng bằng việc đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.



(Handwritten signature)

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng, không nhận tiền hoặc tài sản khác của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề; hợp đồng học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh

- Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động (số liệu tính tại thời điểm thanh tra)

- Số người không thuộc đối tượng phải ký hợp đồng lao động: 01 người (Chủ tịch Công ty).

- Số người đã ký hợp đồng lao động: 120 người, trong đó:

+ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 40 người;

+ Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 80 người.

- Số người chưa được ký hợp đồng lao động: 10 người (đang thử việc); doanh nghiệp áp dụng thời gian thử việc theo quy định.

- Nội dung hợp đồng lao động ghi chung chung: mục địa điểm làm việc ghi “theo sự phân công, điều chuyển của công ty”; mục bảo hộ lao động ghi “được trang bị theo yêu cầu của vị trí việc làm”.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi cho người lao động mất việc làm: không phát sinh.

- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp có 19 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 10 người lao động đủ điều kiện được hưởng với tổng số tiền là 21.375.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Năm 2023, doanh nghiệp không tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ và không tổ chức đối thoại khi có vụ việc (kỳ xây dựng thang lương, bảng lương).

- Doanh nghiệp đã ban hành TULĐTT (ký với Chủ tịch Công đoàn công ty mẹ là Công ty Cổ phần Tập đoàn vàng bạc đá quý Doji. TULĐTT có nhiều nội dung có lợi hơn cho người lao động (người lao động được nghỉ 01 ngày hoặc được tổ chức sinh hoạt, vui chơi chào mừng ngày kỷ niệm ngày thành lập Tập đoàn 28/7; hỗ trợ 01 - 02 tháng lương chức danh theo thâm niên làm việc của lao động nữ sinh con; chế độ chúc mừng sinh nhật, mừng cưới, mừng tuổi, thăm hỏi, phúng viếng; chế độ dành cho con của người lao động). Doanh nghiệp đã thực hiện các nội dung trong thỏa ước lao động tập thể.

- Doanh nghiệp đã xây dựng, ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Nội dung quy chế dân chủ quy định chưa đúng về số lượng, thành phần tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động (là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền) và bên người lao động (là Ban chấp hành Công đoàn, tuy nhiên doanh nghiệp chưa có công đoàn cơ sở).

5. Tiền lương và trả công lao động

- Doanh nghiệp đang áp dụng mức lương thấp nhất là 5.400.000 đồng/đồng/người/tháng, không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định.

- Thu nhập thấp nhất: 8.050.000 đồng/người/tháng; thu nhập cao nhất: 98.000.000 đồng/người/tháng.

- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

- Doanh nghiệp trả lương theo thời gian, qua tài khoản ngân hàng (người sử dụng lao động trả chi phí dịch vụ).

- Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương theo quy định.

- Tiền lương làm việc vào ban đêm: không phát sinh.

- Việc trả tiền lương những ngày người lao động chưa nghỉ hằng năm hoặc chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: không phát sinh (người lao động đã nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm trước khi thôi việc).

- Tại doanh nghiệp không phát sinh ngừng việc.

- Doanh nghiệp không khấu trừ tiền lương của người lao động trái luật, không thực hiện xử lý kỷ luật người lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương.

- Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động mức 25.000 đồng/người/ngày.

6. Thời giờ làm việc và nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần, làm việc theo giờ hành chính (nghỉ ngày chủ nhật).

- Doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ quy định.

- Đã thực hiện nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Số ngày nghỉ hằng năm đối với lao động tại doanh nghiệp trong điều kiện lao động bình thường là 12 ngày (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không phát sinh.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Chủ tịch Công ty.

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội. Doanh nghiệp quy định hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của doanh nghiệp bị kỷ luật bằng hình thức sa thải nhưng

chưa quy định cụ thể nào là gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và lợi ích của doanh nghiệp.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh xử lý kỷ luật lao động.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Doanh nghiệp đang sử dụng 55 lao động nữ.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ có thai làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi; lao động nữ trong thời gian hành kinh.

+ Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nam/nữ riêng biệt.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản theo quy định.

- Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật.

- Số người lao động cao tuổi: 01 người.

- Việc thỏa thuận rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc áp dụng chế độ làm việc không trọn thời gian đối với người lao động cao tuổi: không.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Doanh nghiệp không sử dụng lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Doanh nghiệp không sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.
- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.
- Năm 2023, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định, lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản; tuy nhiên, số khám sức khỏe của người lao động khám tại Công ty Cổ phần Y tế Vip 12 không đúng mẫu quy định tại phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe; số khám sức khỏe của người lao động khám tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh không ghi thông tin từ mục 01 đến 12 trang 01 và thiếu chữ ký của người lập hồ sơ, xác nhận của người lao động.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 120 người. Số người đã tham gia: 120 người, trong đó 01 người tham gia bảo hiểm xã hội tại doanh nghiệp khác (doanh nghiệp đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp).

- Số người không thuộc diện phải tham gia: 11 người (trong đó có 01 người lao động cao tuổi đang hưởng chế độ hưu trí; 10 người đang thử việc).

- 01 người lao động tham gia bảo hiểm xã hội ở đơn vị khác và 01 người lao động cao tuổi đang hưởng lương hưu đã được doanh nghiệp trả thêm cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động.

- Số tiền phải nộp cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 12/2023: 299.848.500 đồng.

- Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đủ tiền cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã lập sổ quản lý lao động bằng bản điện tử.

1.3. Không thu phí tuyển dụng, không nhận tài sản hoặc tiền đặt cọc của người lao động để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động; không giữ văn bằng, chứng chỉ gốc hoặc giấy tờ tùy thân của người lao động khi được tuyển dụng.

1.4. Đã giao kết hợp đồng lao động với toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động theo quy định.

1.5. Đã xây dựng quy chế dân chủ cơ sở ở nơi làm việc.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

1.7. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.8. Đã trả đủ tiền lương làm thêm giờ, tiền lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động; không dùng hình thức phạt tiền, cắt lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.9. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động với mức 25.000 đồng/người/ngày.

1.10. Đã thực hiện đúng quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi.

1.11. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội.

1.12. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ.

1.13. Tại doanh nghiệp không xảy ra khiếu nại, tranh chấp lao động.

1.14. Đã xây dựng, ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.

1.15. Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

1.16. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.17. Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, lao động nữ đã được khám chuyên khoa phụ sản theo quy định.

1.18. Đã tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 100% số người thuộc đối tượng phải tham gia; đã nộp đủ số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa báo cáo tình hình thay đổi về lao động theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Lao động.

2.2. Nội dung của hợp đồng lao động ghi chung chung: mục địa điểm làm việc ghi “theo sự phân công, điều chuyển của công ty”; mục bảo hộ lao động ghi “được trang bị theo yêu cầu của vị trí việc làm” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.3. Không tổ chức đối thoại tại nơi làm việc định kỳ ít nhất 01 năm một lần theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động; không tổ chức đối thoại tại nơi làm việc khi có vụ việc theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 63 Bộ luật Lao động.

2.4. Quy chế dân chủ quy định số lượng, thành phần tham gia đối thoại của bên người sử dụng lao động (là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền) và bên người lao động (là ban chấp hành công đoàn, tuy nhiên doanh nghiệp chưa có công đoàn cơ sở) không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 37, Điều 38 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.5. Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.6. Sổ khám sức khỏe của người lao động không đúng mẫu quy định tại phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BYT ngày 05/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn khám sức khỏe (sổ khám sức khỏe định kỳ của người lao động khám tại Công ty Cổ phần Y tế Vip 12 không đúng mẫu; sổ khám sức khỏe của người lao động khám tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh không ghi thông tin từ mục 01 đến 12 trang 01 và thiếu chữ ký của người lập hồ sơ, xác nhận của người lao động).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 xử phạt vi phạm hành chính với số tiền xử phạt 30.000.000 đồng do doanh nghiệp đã thực hiện các hành vi vi phạm hành chính:

- Không báo cáo tình hình thay đổi về lao động theo quy định;
- Không tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

1. Chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09/QĐ-XPHC ngày 18/01/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2. Khắc phục các sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.
3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số



43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này, doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra (gửi kèm theo các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan) đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

